

Số: 55 /QĐ-SGDVN

Hà Nội, ngày 10 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế thành viên giao dịch
trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ

TỔNG GIÁM ĐỐC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế;

Căn cứ Nghị định số 65/2022/NĐ-CP ngày 16/9/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế;

Căn cứ Nghị định số 08/2023/NĐ-CP ngày 05/3/2023 sửa đổi, bổ sung và ngưng hiệu lực thi hành một số điều tại các Nghị định quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế;

Căn cứ Quyết định số 37/2020/QĐ-TTg ngày 23/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính;

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 30/2023/TT-BTC ngày 17/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc đăng ký, lưu ký, thực hiện quyền, chuyển quyền sở hữu, thanh toán giao dịch và tổ chức thị trường giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại thị trường trong nước;

Căn cứ Quyết định số 757/QĐ-BTC ngày 01/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;

Căn cứ Công văn số 4511/UBCK-PTTT ngày 07/7/2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp thuận ban hành Quy chế thành viên giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐTV ngày 10/7/2023 của Hội đồng Thành viên Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về việc thông qua nội dung Quy chế thành viên giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ;

Theo đề nghị của Trưởng ban Quản lý thành viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thành viên giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

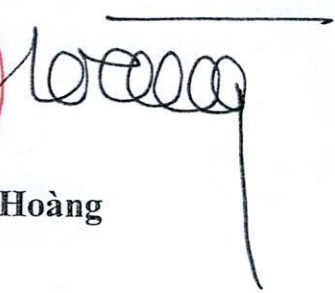
Điều 3. Trưởng ban Quản lý thành viên, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, các tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBCKNN;
- SGDHCM;
- VSDC;
- Các Thành viên;
- Lưu: VT, QLTV (109b).

TỔNG GIÁM ĐỐC




Phạm Văn Hoàng

QUY CHẾ

Thành viên giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 55 /QĐ-SGDVN ngày 10 tháng 7 năm 2023
của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về đăng ký, hoạt động, chế độ báo cáo, kiểm tra và xử lý vi phạm đối với thành viên giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ.

2. Đối tượng áp dụng

a) Công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đăng ký trở thành thành viên giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ;

b) Thành viên giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ;

c) Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;

d) Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của thành viên giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và từ viết tắt

Trong quy chế này, các từ ngữ và cụm từ dưới đây được hiểu như sau:

1. Sở GDCK Việt Nam: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam.

2. Sở GDCK Hà Nội: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

3. UBCKNN: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

4. Thành viên giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ (sau đây gọi là thành viên) gồm thành viên giao dịch và thành viên giao dịch đặc biệt theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư số 30/2023/TT-BTC ngày 17/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc đăng ký, lưu ký, thực hiện quyền, chuyển quyền sở hữu, thanh toán giao dịch và tổ chức thị trường giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại thị trường trong nước.

5. Giao dịch từ xa là hoạt động kết nối giao dịch đến Sở GDCK Hà Nội thông qua các máy trạm được cài đặt phần mềm giao dịch từ xa và được đặt tại địa điểm kết nối giao dịch từ xa của thành viên kết nối giao dịch.

6. Hệ thống công bố thông tin điện tử là hệ thống của Sở GDCK Việt Nam được sử dụng để tiếp nhận báo cáo, thông tin công bố của thành viên.

7. Luật Chứng khoán: Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019.

8. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP: Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

9. Nghị định số 65/2022/NĐ-CP: Nghị định số 65/2022/NĐ-CP ngày 16/9/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.

10. Thông tư số 30/2023/TT-BTC: Thông tư số 30/2023/TT-BTC ngày 17/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc đăng ký, lưu ký, thực hiện quyền, chuyển quyền sở hữu, thanh toán giao dịch và tổ chức thị trường giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại thị trường trong nước.

11. Quy chế thành viên của Sở GDCK Việt Nam: Quy chế thành viên của Sở GDCK Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 01/QĐ-SGDVN ngày 20/01/2022 của Tổng Giám đốc Sở GDCK Việt Nam.

12. Quy chế về hệ thống công nghệ thông tin kết nối giao dịch đến Sở GDCK TPHCM, Sở GDCK Hà Nội: Quy chế về hệ thống công nghệ thông tin kết nối giao dịch đến Sở GDCK TPHCM, Sở GDCK Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 06/QĐ-SGDVN ngày 25/02/2022 của Tổng Giám đốc Sở GDCK Việt Nam.

13. Hồ sơ cá nhân bao gồm bản thông tin cá nhân theo mẫu quy định tại Phụ lục 01/QLTVTPRL ban hành kèm theo Quy chế này và chứng minh thư nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu của cá nhân.

Chương II

ĐĂNG KÝ THÀNH VIÊN

Mục 1

ĐĂNG KÝ THÀNH VIÊN GIAO DỊCH

Điều 3. Đăng ký thành viên giao dịch

Công ty chứng khoán đăng ký thành viên giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11 Thông tư số 30/2023/TT-BTC phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Đáp ứng các điều kiện đăng ký thành viên giao dịch quy định tại khoản 1, 3 Điều 97 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

2. Đáp ứng yêu cầu về hạ tầng công nghệ thông tin bao gồm:

a) Có hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng Quy chế về hệ thống công nghệ thông tin kết nối giao dịch đến Sở GDCK TPHCM, Sở GDCK Hà Nội;

b) Có phương tiện cung cấp thông tin giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ phục vụ nhà đầu tư;

c) Có trang thông tin điện tử đảm bảo thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Quy chế công bố thông tin tại Sở GDCK Việt Nam và công ty con.

3. Có quy trình, tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ.

4. Có tối thiểu 02 nhân sự công nghệ thông tin có trình độ đại học trở lên chuyên ngành công nghệ thông tin và đáp ứng các quy định sau:

a) Trưởng bộ phận công nghệ thông tin phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực công nghệ thông tin;

b) Nhân viên công nghệ thông tin phải có chứng chỉ chuyên môn phù hợp với từng vị trí công tác sau: quản trị hệ thống mạng, quản trị các hệ điều hành, bảo mật hệ thống công nghệ thông tin và quản trị cơ sở dữ liệu.

Điều 4. Hồ sơ đăng ký thành viên giao dịch

1. Đối với công ty chứng khoán không là thành viên giao dịch chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch, thành viên giao dịch công cụ nợ của Sở GDCK Việt Nam, hồ sơ đăng ký thành viên bao gồm:

a) Tài liệu quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 98 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, trong đó, Giấy đăng ký thành viên giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 02/QCTVTPRL ban hành kèm theo Quy chế này;

b) Thuyết minh cơ sở vật chất, nhân sự thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 03/QCTVTPRL ban hành kèm theo Quy chế này;

c) Các quy trình, tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại Sở GDCK Hà Nội theo danh mục quy định tại Phụ lục 05/QCTVTPRL ban hành kèm theo Quy chế này;

d) Hồ sơ đăng ký kết nối giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo Quy chế về hệ thống công nghệ thông tin kết nối giao dịch đến Sở GDCK TPHCM, Sở GDCK Hà Nội. Trong đó, Giấy đăng ký kết nối giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 04/QCTVTPRL ban hành kèm theo Quy chế này.

2. Đối với công ty chứng khoán đang là thành viên giao dịch chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch, thành viên giao dịch công cụ nợ của Sở GDCK Việt Nam, hồ sơ đăng ký thành viên bao gồm:

a) Giấy đăng ký thành viên giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo mẫu quy định tại Phụ lục 02/QCTVTPRL ban hành kèm theo Quy chế này;

b) Tài liệu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

c) Hồ sơ đăng ký kết nối giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ gồm:

- Giấy đăng ký kết nối giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 04/QCTVTPRL ban hành kèm theo Quy chế này;

- Thuyết minh hệ thống công nghệ thông tin kết nối giao dịch đến Sở GDCK Hà Nội theo mẫu quy định tại Phụ lục 02/CNTT ban hành kèm theo Quy chế về hệ thống công nghệ thông tin kết nối giao dịch đến Sở GDCK TPHCM, Sở GDCK Hà Nội;

- Các tài liệu theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

Mục 2

ĐĂNG KÝ THÀNH VIÊN GIAO DỊCH ĐẶC BIỆT

Điều 5. Đăng ký thành viên giao dịch đặc biệt

Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đăng ký thành viên giao dịch đặc biệt trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 65/2022/NĐ-CP và điểm b khoản 1 Điều 11 Thông tư số 30/2023/TT-BTC phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 99 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngoại trừ ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mở tài khoản trực tiếp tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 165 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

2. Đáp ứng các quy định tại điểm a, c khoản 2, khoản 3 và điểm b khoản 4 Điều 3 Quy chế này.

Điều 6. Hồ sơ đăng ký thành viên giao dịch đặc biệt

1. Đối với Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không là thành viên giao dịch đặc biệt công cụ nợ của Sở GDCK Việt Nam, hồ sơ đăng ký thành viên bao gồm:

a) Tài liệu quy định tại khoản 1 Điều 100 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, trong đó, Giấy đăng ký thành viên giao dịch đặc biệt trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 02/QCTVTPRL ban hành kèm theo Quy chế này;

b) Tài liệu quy định tại điểm b, c, d khoản 1 Điều 4 Quy chế này.

2. Đối với Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang là thành viên giao dịch đặc biệt công cụ nợ của Sở GDCK Việt Nam, hồ sơ đăng ký thành viên bao gồm:

a) Giấy đăng ký thành viên giao dịch đặc biệt trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo mẫu quy định tại Phụ lục 02/QCTVTPRL ban hành kèm theo Quy chế này;

b) Các tài liệu theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 4 Quy chế này.

Mục 3

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ THÀNH VIÊN

Điều 7. Trình tự, thủ tục đăng ký thành viên

1. Tổ chức đăng ký thành viên nộp hồ sơ đăng ký thành viên trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện cho Sở GDCK Việt Nam, đồng thời nộp hồ sơ đăng ký

kết nối giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện cho Sở GDCK Hà Nội. Việc nộp, bổ sung hồ sơ đăng ký thành viên thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

2. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký thành viên, Sở GDCK Việt Nam thông báo trên phương tiện công bố thông tin của Sở GDCK Việt Nam về việc tiếp nhận hồ sơ đăng ký thành viên.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký kết nối giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Sở GDCK Hà Nội có văn bản đề nghị tổ chức đăng ký thành viên hoàn thiện hồ sơ đăng ký kết nối giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, đồng thời gửi Sở GDCK Việt Nam.

4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký thành viên, trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, Sở GDCK Việt Nam có văn bản yêu cầu tổ chức đăng ký thành viên sửa đổi, bổ sung hồ sơ đồng thời gửi Sở GDCK Hà Nội để phối hợp thực hiện.

5. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày Sở GDCK Việt Nam có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ, tổ chức đăng ký thành viên phải hoàn thiện hồ sơ đăng ký thành viên, hồ sơ đăng ký kết nối giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo yêu cầu. Quá thời hạn trên, nếu tổ chức đăng ký thành viên không hoàn thiện hồ sơ, Sở GDCK Việt Nam dừng việc xem xét hồ sơ đăng ký thành viên. Tổ chức đăng ký thành viên phải nộp lại hồ sơ đăng ký thành viên mới nếu tiếp tục thực hiện đăng ký thành viên.

6. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký kết nối giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ đầy đủ, hợp lệ, Sở GDCK Hà Nội báo cáo Sở GDCK Việt Nam để Sở GDCK Việt Nam hướng dẫn tổ chức đăng ký thành viên hoàn thiện các thủ tục tiếp theo.

7. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký thành viên đầy đủ, hợp lệ và báo cáo của Sở GDCK Hà Nội tại khoản 6 Điều này, Sở GDCK Việt Nam có văn bản yêu cầu:

a) Tổ chức đăng ký thành viên hoàn thiện cơ sở vật chất, cài đặt hệ thống, kết nối các phần mềm truyền nhận dữ liệu giao dịch và thử nghiệm hệ thống đến Sở GDCK Hà Nội (nếu có);

b) Sở GDCK Hà Nội hướng dẫn tổ chức đăng ký thành viên cập nhật các thông số kỹ thuật, hệ thống vào hồ sơ đăng ký kết nối giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ (nếu có) và hỗ trợ tổ chức đăng ký thành viên hoàn tất các thủ tục nêu trên.

8. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Sở GDCK Việt Nam, tổ chức đăng ký thành viên có trách nhiệm phối hợp với Sở GDCK Hà Nội hoàn thành các yêu cầu quy định tại khoản 7 Điều này và gửi bản cập nhật hồ sơ đăng ký kết nối giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo hướng dẫn của Sở GDCK Hà Nội cho Sở GDCK Việt Nam (nếu có).

9. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức đăng ký thành viên hoàn tất các yêu cầu quy định tại khoản 7 Điều này, Sở GDCK Hà Nội báo cáo Sở GDCK Việt Nam.

10. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của tổ chức đăng ký thành viên và báo cáo của Sở GDCK Hà Nội về việc tổ chức đăng ký thành viên hoàn tất các yêu cầu theo quy định tại khoản 7 Điều này, Sở GDCK Việt Nam thông báo:

a) Kế hoạch kiểm tra cơ sở vật chất kỹ thuật đối với tổ chức đăng ký thành viên trong trường hợp:

- Tổ chức đăng ký thành viên đăng ký kết nối giao dịch trực tuyến;
- Tổ chức đăng ký thành viên đăng ký kết nối giao dịch từ xa và sử dụng máy trạm mới để kết nối giao dịch đến Sở GDCK Hà Nội;

b) Kế hoạch kiểm tra từ xa và giao Sở GDCK Hà Nội kiểm tra từ xa đối với tổ chức đăng ký thành viên trong trường hợp tổ chức đăng ký thành viên là thành viên trên thị trường chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch và thị trường công cụ nợ của Sở GDCK Việt Nam chỉ đăng ký kết nối giao dịch từ xa và sử dụng máy trạm đã được Sở GDCK Hà Nội chấp thuận kết nối giao dịch từ xa trên thị trường chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch và thị trường công cụ nợ.

11. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra từ xa hệ thống kết nối giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của tổ chức đăng ký thành viên, Sở GDCK Hà Nội báo cáo Sở GDCK Việt Nam kết quả kiểm tra kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả kiểm tra từ xa.

12. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra cơ sở vật chất theo quy định tại điểm a khoản 10 Điều này hoặc kể từ ngày nhận được báo cáo của Sở GDCK Hà Nội theo quy định tại khoản 11 Điều này, trường hợp kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu, Sở GDCK Việt Nam có văn bản trả lời và nêu rõ lý do; trường hợp kết quả kiểm tra đạt yêu cầu, Sở GDCK Việt Nam có văn bản yêu cầu tổ chức đăng ký thành viên thực hiện:

a) Đăng ký sử dụng Hệ thống công bố thông tin điện tử theo mẫu quy định tại Phụ lục 06/QCTVTPRL ban hành kèm theo Quy chế này với Sở GDCK Việt Nam (trường hợp chưa đăng ký);

b) Ký hợp đồng cung cấp thông tin với Sở GDCK Hà Nội và các hợp đồng cung cấp dịch vụ khác (nếu có);

c) Đăng ký ngày giao dịch chính thức trên Sở GDCK Hà Nội với Sở GDCK Việt Nam và Sở GDCK Hà Nội.

13. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức đăng ký thành viên đạt yêu cầu kiểm tra cơ sở vật chất hoặc kiểm tra từ xa theo thông báo của Sở GDCK Việt Nam, tổ chức đăng ký thành viên hoàn tất các yêu cầu theo quy định tại khoản 12 Điều này.

14. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kèm các tài liệu chứng minh của tổ chức đăng ký thành viên về việc hoàn tất các yêu cầu quy định tại khoản 12 Điều này, Sở GDCK Việt Nam ban hành quyết định chấp thuận tư cách thành viên, thông báo tiền dịch vụ thành viên phải thanh toán với Sở GDCK Việt Nam và công bố thông tin về thành viên mới trên phương tiện công bố thông tin của Sở GDCK Việt Nam. Sở GDCK Hà Nội có văn bản chấp thuận kết nối giao dịch và thông báo tiền dịch vụ thành viên phải thanh toán với Sở GDCK Hà Nội.

15. Thành viên phải triển khai hoạt động giao dịch trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của Sở GDCK Hà Nội trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày được Sở GDCK Việt Nam chấp thuận tư cách thành viên.

16. Sở GDCK Việt Nam có quyền từ chối chấp thuận thành viên trong các trường hợp sau:

a) Tổ chức đăng ký thành viên không đáp ứng điều kiện đăng ký làm thành viên của Sở GDCK Việt Nam;

b) Hồ sơ đăng ký thành viên có tài liệu giả mạo hoặc có thông tin sai sự thật;

c) Tổ chức đăng ký thành viên không hoàn thiện thủ tục để được cấp quyết định chấp thuận tư cách thành viên trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Sở GDCK Việt Nam có văn bản gửi tổ chức đăng ký thành viên theo quy định tại khoản 7 Điều này.

17. Trường hợp từ chối chấp thuận thành viên, Sở GDCK Việt Nam có văn bản trả lời và nêu rõ lý do. Tổ chức chỉ được đăng ký lại sau 03 tháng kể từ khi Sở GDCK Việt Nam từ chối chấp thuận thành viên gần nhất.

18. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày từ chối chấp thuận thành viên, Sở GDCK Việt Nam thực hiện công bố thông tin trên phương tiện công bố thông tin của Sở GDCK Việt Nam.

Mục 4

ĐĂNG KÝ THÀNH VIÊN GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN HÌNH THÀNH SAU HỢP NHẤT, SÁP NHẬP

Điều 8. Đăng ký thành viên giao dịch của công ty chứng khoán hình thành sau hợp nhất, sáp nhập

1. Trường hợp có ít nhất 01 công ty bị hợp nhất là thành viên giao dịch trước thời điểm hợp nhất; hoặc công ty nhận sáp nhập không là thành viên giao dịch nhưng có ít nhất 01 công ty bị sáp nhập là thành viên giao dịch trước thời điểm sáp nhập, công ty chứng khoán hình thành sau hợp nhất, sáp nhập phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 102 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và đáp ứng các yêu cầu về nhân sự, quy trình nghiệp vụ quy định tại khoản 3, 4 Điều 3 Quy chế này.

2. Trường hợp công ty chứng khoán nhận sáp nhập là thành viên giao dịch trước thời điểm sáp nhập thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 102 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

3. Trường hợp công ty chứng khoán hợp nhất, công ty chứng khoán nhận sáp nhập không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1, 2 Điều này đăng ký thành viên giao dịch phải đáp ứng các quy định đăng ký thành viên giao dịch quy định tại Điều 3 Quy chế này.

Điều 9. Hồ sơ đăng ký thành viên giao dịch cho công ty chứng khoán hình thành sau hợp nhất, sáp nhập

1. Hồ sơ đăng ký thành viên giao dịch đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 8 Quy chế này bao gồm các tài liệu sau:

a) Tài liệu quy định tại khoản 4 Điều 102 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP. Trong đó, Giấy đăng ký thành viên giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ cho công ty chứng khoán hình thành sau hợp nhất thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 07/QCTVTPRL ban hành kèm theo Quy chế này;

b) Các tài liệu theo quy định tại Điều 19 Quy chế này đối với thành viên bị chấm dứt hoạt động do hợp nhất.

2. Hồ sơ đề nghị hủy bỏ tư cách thành viên giao dịch đối với thành viên bị chấm dứt hoạt động do sáp nhập quy định tại khoản 2 Điều 8 Quy chế này thực hiện theo quy định tại Điều 19 Quy chế này.

3. Hồ sơ đăng ký thành viên giao dịch đối với trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 8 Quy chế này thực hiện theo quy định tại Điều 4 Quy chế này.

Điều 10. Trình tự, thủ tục đăng ký thành viên giao dịch cho công ty chứng khoán hình thành sau hợp nhất, công ty chứng khoán nhận sáp nhập

1. Trình tự, thủ tục đăng ký thành viên giao dịch đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 8 Quy chế này:

a) Các công ty chứng khoán tham gia hợp nhất, sáp nhập nộp hồ sơ đăng ký thành viên giao dịch cho công ty chứng khoán hình thành sau hợp nhất, sáp nhập theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Quy chế này cho Sở GDCK Việt Nam. Việc nộp, bổ sung hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy chế này;

b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở GDCK Việt Nam thông báo trên phương tiện công bố thông tin của Sở GDCK Việt Nam về việc tiếp nhận hồ sơ đăng ký thành viên cho công ty chứng khoán hình thành sau hợp nhất, sáp nhập;

c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, Sở GDCK Việt Nam có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ;

d) Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày Sở GDCK Việt Nam có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ, tổ chức đăng ký thành viên phải hoàn thiện hồ sơ đăng ký thành viên theo yêu cầu. Quá thời hạn trên, nếu tổ chức đăng ký thành viên không hoàn thiện hồ sơ, Sở GDCK Việt Nam dừng việc xem xét hồ sơ

đăng ký thành viên. Tổ chức đăng ký thành viên phải nộp lại hồ sơ đăng ký thành viên mới nếu tiếp tục thực hiện đăng ký thành viên;

đ) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ hợp lệ, Sở GDCK Việt Nam thực hiện công bố thông tin về việc ngừng giao dịch đối với thành viên bị hợp nhất, bị sáp nhập trên phương tiện công bố thông tin của Sở GDCK Việt Nam và thông báo cho:

- Thành viên bị hợp nhất, bị sáp nhập về ngày ngừng giao dịch trên hệ thống giao dịch của Sở GDCK Hà Nội và các nghĩa vụ phải thực hiện với Sở GDCK Việt Nam;

- Sở GDCK Hà Nội về ngày ngừng giao dịch của thành viên bị hợp nhất, bị sáp nhập trên hệ thống giao dịch của Sở GDCK Hà Nội;

e) Sở GDCK Hà Nội thực hiện ngừng giao dịch của thành viên giao dịch bị hợp nhất, bị sáp nhập theo thông báo của Sở GDCK Việt Nam và xác định các nghĩa vụ thành viên giao dịch này phải thực hiện với Sở GDCK Hà Nội;

g) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo ngừng giao dịch của Sở GDCK Việt Nam, các thành viên giao dịch tham gia hợp nhất, sáp nhập thực hiện công bố thông tin về việc ngừng giao dịch;

h) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thành viên giao dịch ngừng giao dịch, Sở GDCK Hà Nội xác định, thông báo các khoản tiền dịch vụ thành viên giao dịch phải nộp cho Sở GDCK Hà Nội. Thành viên giao dịch có trách nhiệm thanh toán đầy đủ các khoản tiền dịch vụ trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Sở GDCK Hà Nội;

i) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày thành viên giao dịch hoàn thành các nghĩa vụ đối với Sở GDCK Hà Nội theo quy định tại điểm e, h khoản này, Sở GDCK Hà Nội báo cáo Sở GDCK Việt Nam về việc thành viên giao dịch đã hoàn tất các nghĩa vụ nêu trên;

k) Sau khi nhận được thông báo của thành viên giao dịch hoàn thành các nghĩa vụ quy định tại điểm đ, e, g, h khoản này, báo cáo của Sở GDCK Hà Nội theo quy định tại điểm i khoản này và Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán của công ty chứng khoán hợp nhất hoặc Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán của công ty chứng khoán nhận sáp nhập do UBCKNN cấp, Sở GDCK Việt Nam ban hành quyết định chấp thuận tư cách thành viên giao dịch, thông báo tiền dịch vụ cho công ty chứng khoán hình thành sau hợp nhất, công ty chứng khoán nhận sáp nhập; đồng thời hủy bỏ tư cách thành viên giao dịch của công ty chứng khoán tham gia hợp nhất, bị sáp nhập và thực hiện công bố thông tin theo quy định trên phương tiện công bố thông tin của Sở GDCK Việt Nam. Sở GDCK Hà Nội có văn bản chấp thuận kết nối giao dịch;

l) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Sở GDCK Việt Nam ban hành quyết định chấp thuận tư cách thành viên giao dịch, công ty chứng khoán hình thành sau hợp nhất, công ty chứng khoán nhận sáp nhập phải hoàn thiện, bổ sung hồ sơ đăng ký thành viên giao dịch theo quy định tại Điều 4 Quy chế này.

2. Trình tự, thủ tục hủy bỏ tư cách thành viên giao dịch quy định tại khoản 2 Điều 8 Quy chế này đối với công ty chứng khoán bị sáp nhập thực hiện theo quy định tại Điều 19 Quy chế này. Công ty chứng khoán nhận sáp nhập tiếp tục làm thành viên giao dịch theo quy định khoản 2 Điều 102 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

3. Trình tự, thủ tục đăng ký thành viên giao dịch đối với trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 8 Quy chế này thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quy chế này.

Chương III

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA THÀNH VIÊN

Điều 11. Quyền của thành viên

1. Thành viên có quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Luật Chứng khoán.

2. Các quyền theo quy định của pháp luật về đăng ký, lưu ký, thực hiện quyền, chuyển quyền sở hữu, thanh toán giao dịch và tổ chức thị trường giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại thị trường trong nước.

Điều 12. Nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên

1. Thành viên giao dịch có các nghĩa vụ, trách nhiệm sau:

a) Nghĩa vụ theo quy định tại điểm a, c, d khoản 3 Điều 47 Luật Chứng khoán;

b) Đảm bảo việc giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tuân thủ quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 65/2022/NĐ-CP;

c) Trách nhiệm theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư số 30/2023/TT-BTC;

d) Nghĩa vụ quy định tại khoản 3, 4, 5, 6, 8, 9, 10, 12, 13, 14, 15, 16 Điều 21 Quy chế thành viên của Sở GDCK Việt Nam;

đ) Duy trì yêu cầu để đăng ký thành viên theo quy định tại Điều 3 Quy chế này;

e) Báo cáo bằng văn bản và bổ sung các tài liệu liên quan đến quy trình nghiệp vụ phục vụ giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo mẫu quy định tại Phụ lục 05/QCTVTPRL ban hành kèm theo Quy chế này với Sở GDCK Hà Nội khi có thay đổi;

g) Triển khai hệ thống công nghệ thông tin kết nối giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo đúng hướng dẫn của Sở GDCK Hà Nội.

2. Thành viên giao dịch đặc biệt có các nghĩa vụ sau:

a) Nghĩa vụ quy định tại điểm a, b, d, e, g khoản 1 Điều này;

b) Trách nhiệm theo quy định tại điểm b, c, đ, e khoản 2 Điều 11 Thông tư số 30/2023/TT-BTC;

c) Duy trì yêu cầu để đăng ký thành viên theo quy định tại Điều 5 Quy chế này.

Chương IV

XỬ LÝ VI PHẠM THÀNH VIÊN

Điều 13. Xử lý vi phạm thành viên

Khi thành viên vi phạm quy định tại Quy chế này, Sở GDCK Việt Nam áp dụng việc xử lý vi phạm đối với thành viên theo các quy định sau:

1. Các hình thức xử lý vi phạm thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 5 và 6 Điều 25 Quy chế thành viên của Sở GDCK Việt Nam.

2. Nguyên tắc, thời hạn xử lý vi phạm thực hiện theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 26 Quy chế thành viên của Sở GDCK Việt Nam.

3. Thẩm quyền xử lý vi phạm thực hiện theo quy định tại Điều 27 Quy chế thành viên của Sở GDCK Việt Nam.

4. Thủ tục xử lý vi phạm thực hiện theo quy định tại Điều 28 Quy chế thành viên của Sở GDCK Việt Nam.

Điều 14. Vi phạm về hoạt động của thành viên

1. Hình thức nhắc nhở đối với thành viên vi phạm một trong các hành vi sau:

a) Các trường hợp quy định tại điểm b, c, đ, e khoản 1 Điều 29 Quy chế thành viên của Sở GDCK Việt Nam;

b) Không tuân thủ nghĩa vụ báo cáo theo quy định tại Điều 22, 23 Quy chế này và hướng dẫn tại Phần I Phụ lục 06/QLTV ban hành kèm theo Quy chế thành viên của Sở GDCK Việt Nam;

c) Không duy trì quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 3 Quy chế này;

d) Không báo cáo bằng văn bản và bổ sung các tài liệu về quy trình nghiệp vụ phục vụ giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định tại Phụ lục 05/QCTVTPRL ban hành kèm theo Quy chế này khi thay đổi;

đ) Thành viên giao dịch đặc biệt không duy trì điều kiện đăng ký thành viên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 99 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;

e) Không tuân thủ nghĩa vụ khác của thành viên theo quy định tại Điều 12 Quy chế này.

2. Hình thức khiển trách đối với thành viên vi phạm một trong các hành vi sau:

a) Các trường hợp quy định tại điểm b, c, d khoản 2 Điều 29 Quy chế thành viên của Sở GDCK Việt Nam;

b) Không tuân thủ nghĩa vụ báo cáo theo quy định tại Điều 22, 23 Quy chế này và hướng dẫn tại Phần II Phụ lục 06/QLTV ban hành kèm theo Quy chế thành viên của Sở GDCK Việt Nam;

c) Thành viên giao dịch đặc biệt không khắc phục được tình trạng không đáp ứng điều kiện đăng ký thành viên quy định tại điểm a khoản 1 Điều 99 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 sau 30 ngày kể từ ngày bị Sở GDCK Việt Nam nhắc nhở.

Điều 15. Vi phạm về hệ thống công nghệ thông tin

1. Hình thức nhắc nhở đối với thành viên vi phạm hành vi sau:

Không trang bị đầy đủ các thiết bị công nghệ thông tin theo yêu cầu của Quy chế về hệ thống công nghệ thông tin kết nối giao dịch đến Sở GDCK TPHCM, Sở GDCK Hà Nội.

2. Hình thức khiển trách đối với thành viên vi phạm một trong các hành vi sau:

a) Thay đổi hạ tầng mạng và các giải pháp an ninh mạng dẫn đến không tuân thủ theo Quy chế về hệ thống công nghệ thông tin kết nối giao dịch đến Sở GDCK TPHCM, Sở GDCK Hà Nội có khả năng gây ảnh hưởng đến hoạt động hệ thống của Sở GDCK Hà Nội;

b) Thay đổi cấu hình phần cứng của thiết bị hoặc tăng giảm số lượng thiết bị so với hồ sơ đăng ký khi chưa được chấp thuận bằng văn bản của Sở GDCK Hà Nội;

c) Hạ tầng hệ thống của thành viên giao dịch gặp một hoặc một số lỗi gây ảnh hưởng đến hệ thống chung của Sở GDCK Hà Nội:

- Gửi các kết nối không phục vụ hoạt động giao dịch tới Sở GDCK Hà Nội quá 05 lần phát sinh lỗi trong 01 tháng;

- Bảng luật Firewall mở không đúng theo hướng dẫn của Sở GDCK Hà Nội;

d) Thành viên đã bị xử lý vi phạm bằng hình thức nhắc nhở nhưng vẫn tiếp tục vi phạm.

3. Hình thức tạm ngừng giao dịch đối với thành viên vi phạm một trong các hành vi sau:

a) Thay đổi địa điểm kết nối khi chưa được sự chấp thuận của Sở GDCK Hà Nội;

b) Gây phát tán virus trong hệ thống mạng kết nối tới Sở GDCK Hà Nội;

c) Có hành vi tự ý truy cập trái phép vào máy chủ hoặc các thiết bị tin học khác của Sở GDCK Hà Nội;

d) Khi thành viên bị xử lý vi phạm với hình thức khiển trách nhưng không khắc phục được tình trạng vi phạm theo thời hạn Sở GDCK Việt Nam yêu cầu hoặc tiếp tục vi phạm.

4. Các vi phạm hệ thống công nghệ thông tin khác thực hiện theo các quy định khác do Sở GDCK Việt Nam ban hành.

Điều 16. Vi phạm quy định về giao dịch.

1. Hình thức nhắc nhở đối với thành viên vi phạm một trong các hành vi sau:

a) Vi phạm từ 10 đến dưới 20 lệnh phải sửa lệnh đã xác nhận trong giờ giao dịch đối với các lệnh đặt trong 01 phiên giao dịch do thành viên nhập sai lệnh đặt của khách hàng, nhập sai lệnh tự doanh;

b) Vi phạm từ 20 đến dưới 30 lệnh phải sửa lệnh đã xác nhận trong giờ giao dịch trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của Sở GDCK Hà Nội trong 01 tháng do thành viên nhập sai lệnh đặt của khách hàng, nhập sai lệnh tự doanh.

2. Hình thức khiển trách

a) Vi phạm từ 20 lệnh trở lên phải sửa lệnh đã xác nhận trong giờ giao dịch đối với các lệnh đặt trong 01 phiên giao dịch do thành viên nhập sai lệnh đặt của khách hàng, nhập sai lệnh tự doanh;

b) Vi phạm từ 30 lệnh trở lên phải sửa lệnh đã xác nhận trong giờ giao dịch trên hệ thống giao dịch TPDN riêng lẻ của Sở GDCK Hà Nội trong 01 tháng do thành viên nhập sai lệnh đặt của khách hàng, nhập sai lệnh tự doanh;

c) Không tuân thủ quy định về trách nhiệm xác định tư cách nhà đầu tư và đảm bảo nhà đầu tư thuộc đúng đối tượng theo quy định tại khoản 6 Điều 4 Thông tư số 30/2023/TT-BTC;

d) Không tuân thủ quy định của quy chế giao dịch, quy trình giao dịch do Sở GDCK Việt Nam và công ty con ban hành.

Chương V

ĐÌNH CHỈ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH VÀ HỦY BỎ TƯ CÁCH THÀNH VIÊN

Mục 1

ĐÌNH CHỈ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CỦA THÀNH VIÊN

Điều 17. Đình chỉ hoạt động giao dịch của thành viên

1. Sở GDCK Việt Nam đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động giao dịch của thành viên giao dịch theo quy định tại Điều 32 Quy chế thành viên của Sở GDCK Việt Nam.

2. Sở GDCK Việt Nam đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động giao dịch của thành viên giao dịch đặc biệt trong các trường hợp sau:

a) Các trường hợp theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Thành viên giao dịch đặc biệt không khắc phục được tình trạng không đáp ứng điều kiện đăng ký thành viên quy định tại điểm a khoản 1 Điều 99 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 sau 30 ngày kể từ ngày bị Sở GDCK Việt Nam khiển trách.

Điều 18. Thời gian, phạm vi đình chỉ hoạt động giao dịch của thành viên

Thời gian, phạm vi đình chỉ hoạt động giao dịch của thành viên thực hiện theo quy định tại Điều 35 Quy chế thành viên của Sở GDCK Việt Nam.

Mục 2
HỦY BỎ TƯ CÁCH THÀNH VIÊN

Điều 19. Tự nguyện hủy bỏ tư cách thành viên

Hồ sơ, trình tự, thủ tục tự nguyện hủy bỏ tư cách thành viên thực hiện theo quy định tại Điều 36 Quy chế thành viên của Sở GDCK Việt Nam. Trong đó, Giấy đăng ký hủy bỏ tư cách thành viên thực hiện theo mẫu tại Phụ lục 08/QCTVTPRL ban hành kèm theo Quy chế này, Phương án xử lý tài khoản giao dịch chứng khoán của khách hàng để hủy bỏ tư cách thành viên giao dịch thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 09/QCTVTPRL ban hành kèm theo Quy chế này.

Điều 20. Hủy bỏ bắt buộc tư cách thành viên

Thành viên bị hủy bỏ bắt buộc tư cách thành viên trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 37 Quy chế thành viên của Sở GDCK Việt Nam.

Điều 21. Trình tự, thủ tục hủy bỏ bắt buộc tư cách thành viên

Trình tự, thủ tục hủy bỏ bắt buộc tư cách thành viên thực hiện theo quy định tại Điều 38 Quy chế thành viên của Sở GDCK Việt Nam.

Chương VI
CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 22. Chế độ báo cáo đối với thành viên

1. Thành viên giao dịch phải gửi cho Sở GDCK Việt Nam các báo cáo định kỳ sau:

a) Báo cáo tháng

Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo mẫu quy định tại Phụ lục 10/QCTVTPRL ban hành kèm theo Quy chế này.

b) Báo cáo tài chính quý;

c) Báo cáo 06 tháng đầu năm

- Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận;

- Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/6 đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.

d) Báo cáo năm

- Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ năm theo mẫu quy định tại Phụ lục 10/QCTVTPRL ban hành kèm theo Quy chế này;

- Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận;

- Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12 đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.

2. Thành viên giao dịch đặc biệt phải gửi cho Sở GDCK Việt Nam các báo cáo định kỳ sau:

a) Báo cáo tháng: báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ hàng tháng theo mẫu quy định tại Phụ lục 11/QCTVTPRL ban hành kèm theo Quy chế này;

b) Báo cáo năm: báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ năm theo mẫu quy định tại Phụ lục 11/QCTVTPRL ban hành kèm theo Quy chế này.

3. Thời gian chốt số liệu báo cáo, thời hạn nộp báo cáo

Thời gian chốt số liệu báo cáo, thời hạn nộp báo cáo thực hiện theo quy định tại khoản 3; điểm a, c khoản 4 Điều 40 Quy chế thành viên của Sở GDCK Việt Nam.

4. Thành viên phải báo cáo bất thường bằng văn bản cho Sở GDCK Việt Nam, Sở GDCK Hà Nội và báo cáo theo yêu cầu của Sở GDCK Việt Nam, Sở GDCK Hà Nội theo quy định tại điểm e khoản 2; điểm b, c khoản 3 Điều 11 Thông tư số 30/2023/TT-BTC và khoản 5, 6, 8 Điều 40 Quy chế thành viên của Sở GDCK Việt Nam.

Điều 23. Hình thức báo cáo

Hình thức báo cáo thực hiện theo quy định tại Điều 42 Quy chế thành viên của Sở GDCK Việt Nam.

Chương VII
KIỂM TRA THÀNH VIÊN

Điều 24. Kiểm tra thành viên

1. Nội dung kiểm tra thành viên thực hiện theo quy định tại Điều 43 Quy chế thành viên của Sở GDCK Việt Nam.

2. Trình tự, thủ tục kiểm tra định kỳ thực hiện theo quy định tại Điều 44 Quy chế thành viên của Sở GDCK Việt Nam.

3. Trình tự, thủ tục kiểm tra đột xuất thực hiện theo quy định tại Điều 45 Quy chế thành viên của Sở GDCK Việt Nam.

Chương VIII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 25. Điều khoản chuyển tiếp

Trong thời gian chưa triển khai hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm, công ty chứng khoán là thành viên lưu ký được đăng ký làm thành viên giao dịch của Sở GDCK Việt Nam. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày chính thức triển khai cơ chế đối tác bù trừ trung tâm, thành viên giao dịch của Sở GDCK Việt Nam chưa là thành viên bù trừ hoặc chưa có hợp đồng ủy thác bù trừ, thanh toán với thành viên bù trừ chung được tiếp tục làm thành viên giao dịch của Sở GDCK Việt Nam.

Điều 26. Tổ chức thực hiện

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

2. Sở GDCK Hà Nội có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Quy chế này, giám sát việc tuân thủ nghĩa vụ của thành viên của Sở GDCK Việt Nam theo quy định tại Quy chế này và quy định của pháp luật chứng khoán về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

3. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Tổng Giám đốc Sở GDCK Việt Nam quyết định sau khi được Hội đồng thành viên Sở GDCK Việt Nam thông qua và được UBCKNN chấp thuận.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Văn Hoàng

Phụ lục 01/QCTVTPRL: Mẫu bản thông tin cá nhân
 (Kèm theo Quy chế thành viên giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ ban hành theo
 Quyết định số 55../QĐ-SGDVN ngày 10..tháng..7.. năm 2023
 của Tổng Giám đốc Sở GDCK Việt Nam)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THÔNG TIN CÁ NHÂN

(Áp dụng cho người nội bộ, nhân viên công nghệ thông tin)

Ảnh 4x6 (dán
ảnh và đóng
dấu giáp lai)

1. Họ và tên: Nam/nữ
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Nơi sinh:
4. Quốc tịch: (Các quốc tịch hiện có)
5. Số chứng minh nhân dân/căn cước công dân/ hộ chiếu:..... ngày cấp.....nơi cấp..... có giá trị đến ngày..... (đối với hộ chiếu hoặc sổ giấy tờ chứng thực cá nhân khác)
6. Hộ khẩu thường trú:
7. Địa chỉ liên lạc (thường xuyên):
8. Email: Điện thoại:
9. Trình độ chuyên môn:
10. Nghề nghiệp:
11. Chứng chỉ hành nghề chứng khoán

TT	Loại chứng chỉ	Số chứng chỉ	Ngày cấp	Nơi cấp
1				
...				

Ghi chú: Loại chứng chỉ: Môi giới chứng khoán; phân tích tài chính; quản lý quỹ.

12. Quá trình đào tạo chuyên môn:

Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Bằng cấp

13. Quá trình làm việc:

Thời gian	Nơi làm việc	Vị trí công việc

14. Kê khai người có liên quan (kê khai toàn bộ người có liên quan theo quy định tại Luật Chứng khoán)

Họ và tên/Tên tổ chức có liên quan	Mối quan hệ với người khai	Số GCNĐKKD/CMTND/CCCD/ hộ chiếu	Nơi làm việc/học tập/ khác	Vị trí công việc
1				
...				

Tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực các nội dung nêu trên.

..., ngày... tháng... năm ...

Chúng thực chữ ký của người khai hoặc xác nhận của tổ chức đang làm việc hoặc xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền về việc người khai đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn

Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Phụ lục 02/QCTVTPRL: Giấy đăng ký thành viên giao dịch trái phiếu
doanh nghiệp riêng lẻ**

*(Kèm theo Quy chế thành viên giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ ban hành theo
Quyết định số 55.../QĐ-SGDVN ngày 10...tháng... năm 2023
của Tổng Giám đốc Sở GDCK Việt Nam)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày... tháng ... năm ...

**GIẤY ĐĂNG KÝ THÀNH VIÊN GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU DOANH
NGHIỆP RIÊNG LẺ CỦA SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM**

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam

Chúng tôi, công ty chứng khoán/ngân hàng thương mại/chi nhánh ngân hàng nước ngoài:

Tên giao dịch của công ty tiếng Việt:

Tên giao dịch của công ty tiếng Anh:

Tên viết tắt:

được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số ngày.../.../...
do cấp.

- Trụ sở chính:

Điện thoại:

- Email:

Fax:

- Website:

- Vốn điều lệ:

- Nghiệp vụ kinh doanh:

- Cổ đông/Thành viên góp vốn (nêu rõ tên cổ đông, số lượng cổ phần và tỷ lệ nắm giữ).

- Đối với trường hợp công ty chứng khoán nhận sáp nhập đăng ký thành viên giao dịch: Quyết định số ngày của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận việc sáp nhập, theo đó chúng tôi (công ty nhận sáp nhập) sẽ sáp nhập với công ty (công ty bị sáp nhập) với thông tin như sau:

Tên công ty bị sáp nhập:,

Tên giao dịch bằng tiếng Việt:,

Tên giao dịch của công ty bằng tiếng Anh:,

Tên viết tắt:

Sau khi tìm hiểu và nắm rõ nội dung của Nghị định số 65/2022/NĐ-CP ngày 16/9/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về chào bán, giao

dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế; Thông tư số 30/2023/TT-BTC ngày 17/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc đăng ký, lưu ký, thực hiện quyền, chuyển quyền sở hữu, thanh toán giao dịch và tổ chức thị trường giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại thị trường trong nước và Quy chế thành viên giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam (Sở GDCK Việt Nam), Chúng tôi xin đăng ký làm thành viên giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của Sở GDCK Việt Nam như sau:

1. Loại thành viên:

- ☐ Thành viên giao dịch (áp dụng với CTCK)
- ☐ Thành viên giao dịch đặc biệt (áp dụng với Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài)

2. Hình thức kết nối giao dịch:

Kết nối qua hệ thống giao dịch từ xa trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của Sở GDCK Hà Nội:

- Địa điểm kết nối giao dịch từ xa (GDTX):
- Số lượng máy tính nhập lệnh GDTX:

3. Tổ chức đăng ký thành viên bù trừ tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ Việt Nam:

- ☐ Có
- ☐ Không

Chúng tôi đảm bảo các thông tin trên đây và thông tin trong hồ sơ kèm theo là hoàn toàn chính xác, nếu được chấp thuận làm thành viên của Sở GDCK Việt Nam, chúng tôi cam kết:

- a) Không trong tình trạng kiểm soát, kiểm soát đặc biệt¹;
- b) Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các nghĩa vụ của thành viên theo quy định pháp luật và quy chế của Sở GDCK Việt Nam;
- c) Chịu mọi hình thức kỷ luật của Sở GDCK Việt Nam khi không thực hiện đúng cam kết nêu trên.

....., ngày...tháng....năm...

TỔ CHỨC

(Người đại diện theo pháp luật)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

¹ Trường hợp công ty chứng khoán nhận sáp nhập đăng ký thành viên giao dịch không phải cam kết mục này.

....., ngày... tháng ... năm ...

PHẦN I. ĐỐI VỚI CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

1. Tên công ty:

1.2 Mạng lưới hoạt động (nếu có):

STT	Tên chi nhánh/PGD	Địa chỉ	Điện thoại	Fax
1				
...				

2. Thiết bị phục vụ công bố thông tin

2.1. Màn hình hiển thị thông tin: số lượng, chủng loại.

2.2. Bảng dán thông tin công bố:

2.3. Bản tin nội bộ (nếu có):

2.4. Các thiết bị khác

II. NHÂN SỰ (nhân sự tại mục 1, 2, 3 gửi kèm hồ sơ cá nhân)

1. Người nội bộ của công ty

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CMTND/CCCD/ hộ chiếu	Chức vụ	Trình độ học vấn
1.						
...						

2. Ban Tổng Giám đốc (Giám đốc)

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CMND/CC CD/ hộ chiếu	Chức vụ	Trình độ học vấn	Kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và	CCHNCK		Phụ trách hoạt động kinh doanh thị trường
								Số	Ngày cấp	

							chứng khoán			
1										
...										

3. Ủy ban kiểm toán

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CMND/CCCD/Hộ chiếu	Chức vụ	Trình độ học vấn	Kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và chứng khoán	Chứng chỉ hành nghề chứng khoán	
								Số chứng chỉ hành nghề chứng khoán	Ngày cấp
1									
...									

4. Danh sách trưởng bộ phận và các nhân viên kinh doanh trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Chức vụ	CMND/CCCD/Hộ chiếu			Chứng chỉ hành nghề chứng khoán	
					Số	Ngày cấp	Nơi cấp	Số chứng chỉ hành nghề chứng khoán	Ngày cấp
...									

• Ghi chú: Công ty chứng khoán đang là thành viên giao dịch chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch hoặc là thành viên giao dịch công cụ nợ hoặc là thành viên giao dịch chứng khoán phái sinh khi đăng ký thành viên giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ không phải điền thông tin tại khoản 2 Mục I, không phải gửi kèm hồ sơ cá nhân của các trường hợp tại mục 1, 2, 3 phần II.

....., ngày tháng năm
Người đại diện theo pháp luật
(Chức danh)
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

PHẦN II. ĐỐI VỚI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI

1. Tên ngân hàng:

1.1. Địa chỉ trụ sở chính:

1.2 Mạng lưới hoạt động (nếu có):

STT	Tên chi nhánh/phòng giao dịch kết nối đến Sở GDCK Hà Nội	Địa chỉ	Điện thoại	Fax

2. Nhân sự

Danh sách và hồ sơ cá nhân của người đại diện theo pháp luật, Ban Tổng Giám đốc (Giám đốc), Trưởng bộ phận và nhân viên kinh doanh trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CMND/CCCD/hộ chiếu	Chức vụ	Điện thoại	Email
1.							
2.							

• Ghi chú: Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên giao dịch chứng khoán đặc biệt công cụ nợ của Sở GDCK Việt Nam khi đăng ký thành viên giao dịch đặc biệt trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ không phải không phải gửi kèm hồ sơ cá nhân của các trường hợp tại mục 2.

....., ngày tháng năm
Người đại diện theo pháp luật
(Chức danh)
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 04/QCTVTPRL. Giấy đăng ký kết nối/thay đổi kết nối giao dịch

(Kèm theo Quy chế thành viên giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ ban hành theo Quyết định số 55.../QĐ-SGDVN ngày 10...tháng 7... năm 2023 của Tổng Giám đốc Sở GDCK Việt Nam)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

... .., ngày tháng năm....

**GIẤY ĐĂNG KÝ KẾT NỐI/ THAY ĐỔI KẾT NỐI GIAO DỊCH
TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP RIÊNG LẺ**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thông tin tổ chức đăng ký kết nối giao dịch:

Tên giao dịch (bằng tiếng Việt):

Tên giao dịch (bằng tiếng Anh):

Địa chỉ:

Điện thoại:.....Số fax:

Đại diện: Chức vụ:

Được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số ... ngày do (nơi cấp).

Giấy phép đăng ký kinh doanh số ngày cấp nơi cấp

Xét thấy chúng tôi đã đáp ứng đầy đủ các quy định tại Quy chế về hệ thống công nghệ thông tin kết nối giao dịch đến Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (Sở GDCK TPHCM), Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (Sở GDCK Hà Nội), nay, chúng tôi có nguyện vọng đăng ký kết nối/đăng ký thay đổi kết nối giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ đến Sở GDCK Hà Nội.

Chúng tôi xin cung cấp thông tin để triển khai đăng ký kết nối giao dịch như sau:

1. Nội dung đăng ký/thay đổi

☐ Đăng ký kết nối Giao dịch từ xa đến Sở GDCK Hà Nội:

☐ Đăng ký kết nối dự phòng:

☐ Thay đổi cấu trúc mạng (nêu cụ thể việc thay đổi).

☐ Thay đổi trang thiết bị công nghệ thông tin: máy chủ, máy trạm, thiết bị

mạng, thiết bị an ninh bảo mật (nêu cụ thể việc thay đổi).

2. Địa điểm đăng ký/thay đổi kết nối giao dịch

- *Kết nối từ Trụ sở chính/chi nhánh (Ghi rõ địa chỉ cụ thể)*
- *Kết nối từ trung tâm dữ liệu/ trung tâm dữ liệu thuê, mượn (Ghi rõ địa chỉ cụ thể)*

3. Thông tin về nhân sự phụ trách kết nối giao dịch

STT	Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại	Email

4. Cam kết khi tham gia kết nối giao dịch đến Sở GDCK Hà Nội

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của các thông tin trên đây cũng như các tài liệu kèm theo trong Hồ sơ đăng ký/thay đổi kết nối giao dịch đến Sở GDCK Hà Nội.

Khi được chấp thuận triển khai kết nối giao dịch đến Sở GDCK Hà Nội, chúng tôi cam kết tuân thủ tuyệt đối quy định tại Quy chế thành viên giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ; Quy chế về hệ thống công nghệ thông tin kết nối giao dịch đến Sở GDCK TPHCM, Sở GDCK Hà Nội, đảm bảo hệ thống công nghệ thông tin của công ty chúng tôi:

- Đáp ứng các yêu cầu chức năng theo quy định;
- Không làm ảnh hưởng đến các hoạt động giao dịch và khai thác thông tin trên các thị trường khác do Sở GDCK Hà Nội quản lý, vận hành;
- Chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu hệ thống giao dịch của Công ty phát sinh sự cố làm ảnh hưởng đến hệ thống của Sở GDCK Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật của công ty

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Tài liệu đính kèm:

Phụ lục 05/QCTVTPRL: Danh mục quy trình nghiệp vụ giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ

(Kèm theo Quy chế thành viên giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ ban hành theo Quyết định số 55.../QĐ-SGDVN ngày 10 tháng 7 năm 2023 của Tổng Giám đốc Sở GDCK Việt Nam)

DANH MỤC QUY TRÌNH NGHIỆP VỤ, TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP RIÊNG LẺ

1. Đối với tổ chức đăng ký thành viên giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ

- a) Quy trình môi giới;
- b) Quy trình tự doanh;
- c) Quy trình sửa lỗi trong giờ giao dịch;
- d) Bản sao hợp đồng ký kết với ngân hàng thương mại về việc quản lý tiền gửi giao dịch của nhà đầu tư;
- đ) Quy trình đối chiếu số dư và quản lý tiền gửi của nhà đầu tư tại ngân hàng thương mại;
- e) Quy trình đối chiếu số dư chứng khoán và tiền của khách hàng với thành viên lưu ký trong trường hợp nhà đầu tư mở tài khoản lưu ký tại thành viên lưu ký khác;
- g) Mẫu hợp đồng mở tài khoản với khách hàng;
- h) Mẫu phiếu lệnh;
- i) Mẫu phiếu xác nhận kết quả giao dịch dành cho khách hàng;
- k) Tài liệu hướng dẫn nhà đầu tư tham gia giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại Sở GDCK Hà Nội.

2. Đối với tổ chức đăng ký thành viên giao dịch đặc biệt trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ

- a) Quy trình tự doanh;
- b) Quy trình sửa lỗi trong giờ giao dịch.

**Phụ lục 06/QCTVTPRL: Phiếu đăng ký sử dụng
hệ thống công bố thông tin điện tử**

*(Kèm theo Quy chế thành viên giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ ban hành theo
Quyết định số 55.../QĐ-SGDVN ngày 16...tháng...7... năm 2023
của Tổng Giám đốc Sở GDCK Việt Nam)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày... tháng ... năm ...

**PHIẾU ĐĂNG KÝ
SỬ DỤNG HỆ THỐNG CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

Chúng tôi, (tên công ty chứng khoán/NHTM, chi nhánh ngân hàng nước ngoài):

Mã thành viên:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Số Fax:

Được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số.....do cấp lần đầu/thay đổi lần thứ ngày.....

Đại diện theo pháp luật : (Ông/Bà).....Chức vụ:.....

Được chấp thuận làm thành viên giao dịch/thành viên giao dịch đặc biệt tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam (Sở GDCK Việt Nam) theo Quyết định số/QĐ-SGDVN ngày/....../.....của Tổng Giám đốc Sở GDCK Việt Nam.

Xét thấy công ty/ngân hàng chúng tôi đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của Sở GDCK Việt Nam trong việc sử dụng Hệ thống công bố thông tin điện tử của Sở GDCK Việt Nam. Nay, chúng tôi đăng ký với Sở GDCK Việt Nam được sử dụng Hệ thống công bố thông tin điện tử để gửi báo cáo của thành viên đến Sở GDCK Việt Nam, cụ thể như sau:

1. Thông tin về người đăng ký sử dụng Hệ thống công bố thông tin điện tử để chuyển báo cáo cho Sở GDCK Việt Nam và tiếp nhận thông tin phản hồi

(1) Họ và tên:

- Chức vụ:

- Số CMTND/CCCD:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

- Điện thoại:

- E-mail:

2) Họ và tên:

- Chức vụ:

- Số CMTND/CCCD:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

- Điện thoại:

- E-mail:

Địa chỉ thư điện tử liên lạc với Sở GDCK Việt Nam (là địa chỉ để tiếp nhận mật khẩu truy cập hệ thống):

2. Cam kết của thành viên đăng ký sử dụng Hệ thống công bố thông tin điện tử

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của các thông tin nêu trên.

Khi được chấp thuận sử dụng Hệ thống công bố thông tin điện tử để chuyển báo cáo của thành viên đến Sở GDCK Việt Nam, chúng tôi cam kết tuân thủ tuyệt đối hướng dẫn sử dụng Hệ thống và đảm bảo đáp ứng đủ các điều kiện và thủ tục sử dụng Hệ thống công bố thông tin điện tử.

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu vi phạm các cam kết nêu trên và vi phạm các quy định của Sở GDCK Việt Nam trong việc sử dụng Hệ thống công bố thông tin điện tử.

....., ngày ... tháng ... năm

Người đại diện theo pháp luật
(Chức danh)

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**Phụ lục 07/QCTVTPRL: Giấy đăng ký thành viên của công ty chứng khoán
hình thành sau hợp nhất**

(Kèm theo Quy chế thành viên giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ ban hành theo
Quyết định số 55/QĐ-SGDVN ngày 19 tháng 7 năm 2023
của Tổng Giám đốc Sở GDCK Việt Nam)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

..., ngày... tháng ... năm ...

**GIẤY ĐĂNG KÝ THÀNH VIÊN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN
HÌNH THÀNH SAU HỢP NHẤT**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

Chúng tôi gồm các công ty thực hiện hợp nhất:

- Công ty chứng khoán
- Tên giao dịch của công ty bằng tiếng Việt:
- Tên giao dịch của công ty bằng tiếng Anh:
- Tên viết tắt:
- Được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số ... ngày... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:

và

- Công ty chứng khoán
- Tên giao dịch của công ty bằng tiếng Việt:
- Tên giao dịch của công ty bằng tiếng Anh:
- Tên viết tắt:
- Được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số ... ngày... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:

đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận hợp nhất theo Quyết định hợp nhất số ngày, theo đó chúng tôi sẽ hợp nhất thành Công ty hợp nhất với thông tin như sau:

- Tên công ty:

- Tên giao dịch của công ty bằng tiếng Việt:
- Tên giao dịch của công ty bằng tiếng Anh:
- Tên viết tắt:
- Sau khi tìm hiểu và nắm rõ nội dung của Nghị định số 65/2022/NĐ-CP ngày 16/9/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế; Thông tư số 30/2023/TT-BTC ngày 17/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hướng dẫn việc đăng ký, lưu ký, thực hiện quyền, chuyển quyền sở hữu, thanh toán giao dịch và tổ chức thị trường giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại thị trường trong nước và Quy chế thành viên giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam (Sở GDCK Việt Nam), Chúng tôi xin đăng ký làm thành viên giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của Sở GDCK Việt Nam như sau:

Hình thức kết nối giao dịch:

☐ Kết nối qua hệ thống giao dịch từ xa

- Địa điểm kết nối giao dịch từ xa (GDTX):

- Số lượng máy tính nhập lệnh GDTX:

Chúng tôi đảm bảo các thông tin trên đây và thông tin trong hồ sơ kèm theo là hoàn toàn chính xác, nếu được chấp thuận làm thành viên của Sở GDCK Việt Nam, chúng tôi cam kết:

a) Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các nghĩa vụ của thành viên theo quy định pháp luật và quy chế của Sở GDCK Việt Nam;

b) Chịu mọi hình thức kỷ luật của Sở GDCK Việt Nam khi không thực hiện đúng cam kết nêu trên.

**ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT CỦA
CÔNG TY CHỨNG KHOÁN.....**
(Ký, đóng dấu, ghi rõ chức vụ, họ
tên)

....., ngày...tháng...năm...
**ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT CỦA
CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**
(Ký, đóng dấu, ghi rõ chức vụ, họ
tên)

Phụ lục 08/QCTVTPRL: Giấy đề nghị hủy bỏ tư cách thành viên trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ

(Kèm theo Quy chế thành viên giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ ban hành theo Quyết định số 55../QĐ-SGDVN ngày 19 tháng 7 năm 2023 của Tổng Giám đốc Sở GDCK Việt Nam)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày... tháng ... năm ...

GIẤY ĐỀ NGHỊ HỦY BỎ TƯ CÁCH THÀNH VIÊN GIAO DỊCH / THÀNH VIÊN GIAO DỊCH ĐẶC BIỆT TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP RIÊNG LẺ

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

1. Tên thành viên:.....
2. Tên viết tắt:.....
3. Mã thành viên:.....
4. Trụ sở chính:.....
5. Điện thoại:.....Fax.....
6. Giấy phép thành lập và hoạt động số.....ngày....do cấp
7. Quyết định công nhận thành viên số.... ngày..... do Sở GDCK Việt Nam cấp.

Đề nghị tự nguyện hủy bỏ tư cách thành viên giao dịch/thành viên giao dịch đặc biệt trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của Sở GDCK Việt Nam kể từ ngày.....

Lý do hủy bỏ tư cách thành viên:.....

Chúng tôi đề nghị ngừng hoạt động giao dịch kể từ ngày..... để hoàn tất thủ tục hủy bỏ tư cách thành viên giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ/thành viên giao dịch đặc biệt trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ.

Chúng tôi cam kết hoàn tất các nghĩa vụ, thủ tục theo quy định của pháp luật trước khi được Sở GDCK Việt Nam chấp thuận hủy bỏ tư cách thành viên và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung trong giấy đề nghị và các tài liệu kèm theo.

Chúng tôi xin gửi kèm theo các giấy tờ liên quan như sau:

1. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc quyết định của chủ sở hữu về việc hủy bỏ tư cách thành viên hoặc rút nghiệp vụ môi giới chứng khoán, dừng hoạt động kinh doanh trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ hoặc giải thể công ty hoặc hợp nhất, sáp nhập (không áp dụng đối với thành viên giao dịch đặc biệt).

2. Quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ sở hữu công ty thông qua phương án xử lý nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác chưa hoàn thành đối với Sở GDCK Việt Nam và công ty con.

3. Phương án xử lý các tài khoản giao dịch và tài sản ký quỹ của khách hàng (không áp dụng đối với thành viên giao dịch đặc biệt).

4. Hợp đồng chuyển giao tài khoản giao dịch khách hàng, tài sản ký quỹ khách hàng cho thành viên giao dịch khác hoặc giữa các thành viên tham gia hợp nhất, sáp nhập (không áp dụng đối với thành viên giao dịch đặc biệt).

5. Thông báo ngừng và thời điểm ngừng mở tài khoản giao dịch mới và ngừng ký kết hợp đồng mới với khách hàng (không áp dụng đối với thành viên giao dịch đặc biệt).

6. Các giấy tờ khác có liên quan (nếu có).

Chúng tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày tháng năm
Người đại diện theo pháp luật
Chức danh
(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 09/QCTVTPRL: Phương án xử lý tài khoản giao dịch của khách hàng

(Kèm theo Quy chế thành viên giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ ban hành theo Quyết định số 55/QĐ-SGDVN ngày 10 tháng 7 năm 2023 của Tổng Giám đốc Sở GDCK Việt Nam)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày... tháng ... năm ...

**PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TÀI KHOẢN GIAO DỊCH CỦA KHÁCH HÀNG
ĐỂ HỦY BỎ TƯ CÁCH THÀNH VIÊN GIAO DỊCH**

Chúng tôi, công ty chứng khoán

là thành viên giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam (Sở GDCK Việt Nam) theo Quyết định số..... ngày/.../...

Chúng tôi xin gửi Phương án xử lý tài khoản giao dịch của khách hàng để tiến hành các thủ tục hủy bỏ tư cách thành viên giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ như sau:

1. Thời điểm và phương thức công bố thông tin, thông báo đến khách hàng về việc hủy bỏ tư cách thành viên giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ.
2. Ngày dự kiến ngừng giao dịch.
3. Ngày dự kiến hủy bỏ tư cách thành viên giao dịch.
4. Ngày ngừng mở tài khoản giao dịch và ký kết hợp đồng mới với khách hàng liên quan đến trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ giao dịch trên Sở GDCK Hà Nội.
5. Thời gian dự kiến xử lý tài khoản giao dịch theo yêu cầu của khách hàng (thời gian kéo dài tối thiểu 30 ngày).
6. Nếu khách hàng chưa làm thủ tục tắt toán tài khoản thì dự kiến ngày/.../..... Công ty sẽ tự động chuyển tài khoản của khách hàng sang Công ty chứng khoán.....

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm và hoàn thành các nghĩa vụ liên quan đến khách hàng theo đúng quy định của pháp luật.

....., ngày tháng năm

Người đại diện theo pháp luật

Chức danh

(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

[illegible]

[illegible]

Thành viên Hội đồng quản trị đồng thời có giấy phép hành nghề thi ghi “2.5”

[illegible]

[illegible]

2. Tổng phí môi giới thu được

Đơn vị tính: đồng

TT	Phí môi giới	Giá trị
1	Trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ giao dịch trên hệ thống của Sở GDCK Hà Nội	
2	Trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ giao dịch ngoài hệ thống (chưa đăng ký giao dịch trên hệ thống của Sở GDCK Hà Nội)	
	Cộng	

II. Hoạt động tự doanh, đầu tư

1. Tình hình giao dịch tự doanh (GT: đơn vị là triệu đồng, KL: đơn vị là trái phiếu)

[illegible]

2. Tình hình nắm giữ trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ (tại thời điểm cuối kỳ báo cáo)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Mã trái phiếu doanh nghiệp	Tên tổ chức phát hành	Trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ nắm giữ			
			Số lượng (Đơn vị tính: trái phiếu)	Tổng giá trị mua vào	Giá trị thị trường	Tỷ lệ tăng trưởng tài sản đầu tư (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	$(7)=(6)/(5) \times 100$
1	A					
2	...					
	Tổng cộng:					

* Ghi chú:

Cột (2) ghi cụ thể theo mã chứng khoán.

Cột (4) là các chứng khoán hiện CTCK đang nắm giữ, không bao gồm chứng khoán đang về tài khoản.

Cột (5) tính theo giá mua vào/giá góp vốn theo hợp đồng;

Phải loại trừ chứng khoán nắm giữ thuộc các giao dịch kỳ hạn khỏi Mục này.

III. Danh mục trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ do thành viên phát hành

STT	Mã trái phiếu doanh nghiệp	Đồng tiền phát hành	Khối lượng (trái phiếu)	Giá trị phát hành (tỷ đồng)	Ngày hoàn tất phát hành	Ngày đáo hạn	Giá trị lưu hành đầu kỳ báo cáo (tỷ đồng)	Giá trị mua lại, tất toán trong kỳ báo cáo (tỷ đồng)	Giá trị lưu hành cuối kỳ báo cáo (tỷ đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	A									
	B									
	...									
	Tổng									

(5), (8), (9), (10): Giá trị tính theo mệnh giá

(6), (7): định dạng ngày dd/mm/yyyy

IV. Các vướng mắc phát sinh và kiến nghị:

NGƯỜI LẬP
(Ký, ghi rõ họ tên)

KIỂM SOÁT NỘI BỘ
(Ký, ghi rõ họ tên)

(TỔNG) GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**Phụ lục 11/QCTVTPRL: Mẫu Báo cáo tình hình hoạt động tháng, năm
áp dụng đối với thành viên giao dịch đặc biệt**
(Kèm theo Quy chế thành viên giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ ban hành theo
Quyết định số 55/QĐ-SGDVN ngày 10 tháng 7 năm 2023
của Tổng Giám đốc Sở GDCK Việt Nam)

TÊN NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....(số công văn)
V/v báo cáo hoạt động kinh doanh
trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ
tháng.... năm..../năm...

....., ngày.....tháng.....năm

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

1. Tình hình giao dịch tự doanh (GT: đơn vị là triệu đồng, KL: đơn vị là trái phiếu)

STT	Mã trái phiếu doanh nghiệp	Tổng mua từ đầu năm đến đầu kỳ báo cáo		Tổng bán từ đầu năm đến đầu kỳ báo cáo		Mua trong kỳ báo cáo		Bán trong kỳ báo cáo		Tổng mua từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo		Tổng bán từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	
		KL	GT	KL	GT	KL	GT	KL	GT	KL	GT	KL	GT
1	A												
2	B												
...	...												
	Tổng												

2. Tình hình nắm giữ trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ (tại thời điểm cuối kỳ báo cáo)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Mã trái phiếu doanh nghiệp	Tên tổ chức phát hành	Trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ nắm giữ			
			Số lượng (trái phiếu)	Tổng giá trị mua vào	Giá trị thị trường	Tỷ lệ tăng trưởng tài sản đầu tư (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)/(5)*100
1	A					

TT	Mã trái phiếu doanh nghiệp	Tên tổ chức phát hành	Trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ nắm giữ			
			Số lượng (trái phiếu)	Tổng giá trị mua vào	Giá trị thị trường	Tỷ lệ tăng trưởng tài sản đầu tư (%)
2	...					
	Tổng cộng:					

* Ghi chú:

Cột (2) ghi cụ thể theo mã chứng khoán.

Cột (4) là các chứng khoán hiện CTCK đang nắm giữ, không bao gồm chứng khoán đang về tài khoản.

Cột (5) tính theo giá mua vào/giá góp vốn theo hợp đồng;

Phải loại trừ chứng khoán nắm giữ thuộc các giao dịch kỳ hạn khỏi Mục này.

3. Danh mục trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của thành viên giao dịch đặc biệt phát hành

STT	Mã trái phiếu doanh nghiệp	Đồng tiền phát hành	Khối lượng (trái phiếu)	Giá trị phát hành (tỷ đồng)	Ngày hoàn tất phát hành	Ngày đáo hạn	Giá trị lưu hành đầu kỳ báo cáo (tỷ đồng)	Giá trị mua lại, tất toán trong kỳ báo cáo (tỷ đồng)	Giá trị lưu hành cuối kỳ báo cáo (tỷ đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	A									
	B									
	...									
	Tổng									

(5), (8), (9), (10): Giá trị tính theo mệnh giá

(6), (7): định dạng ngày dd/mm/yyyy

4. Các vướng mắc phát sinh và kiến nghị:

NGƯỜI LẬP
(Ký, ghi rõ họ tên)

KIỂM SOÁT NỘI BỘ
(Ký, ghi rõ họ tên)

(TỔNG) GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)